TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH Đ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độclập - Tự do - Hạnhphúc**
Số: 17/2019/QĐST-HNGĐ	*Trảng Bom, ngày 24 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Văn bản số 310/TANDTC-PC ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về nghiệp vụ triển khai thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 875/2018/TLST-VHNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, theo đơn yêu cầu của:

- Chị Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh năm 1984; HKTT: ấp T1, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ; Tạm trú: ấp T2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ
- Anh Bùi Phú T, sinh năm 1983; HKTT: ấp T1, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ; Tạm trú: ấp T2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 28/12/2018 Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành hòa giải đoàn tụ không thành, các bên thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của các bên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Quỳnh C và anh Bùi Phú T.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Trà Giang, sinh ngày 22/10/2010 cho anh Bùi Phú T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo duc. Tạm thời chị Nguyễn Thị Quỳnh C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của chị Nguyễn Thị Quỳnh C.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị C và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị C và anh T khai không có nợ chung.

2.Về lệ phí Tòa án:

Anh Bùi Phú T và chị Nguyễn Thị Quỳnh C phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 001240 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đ. Anh Bùi Phú T và chị Nguyễn Thị Quỳnh C đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơinhận:
- Các đương sự;
- VKS ND huyện T;
- UBND xã G1, huyện G, tỉnh N (số ĐKKH 133, quyển 1/2014)
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

BÙI BÁ DIỄN

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).